TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 29-6-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Phúc**;
2. Bà **Thị Amina**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST - DS, ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 45, ấp T C, xã T P, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 17-01-2018 (có mặt).

Bị đơn: 1. Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp T A, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp T A, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của chị Đ là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên chị Đ có cho chị H1, anh S vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 1,3 tỷ đồng, cụ thể như sau: Ngày 29/8/2017 cho vay 600.000.000 đồng; ngày

30/8/2017 cho vay 150.000.000 đồng; ngày 31/8/2017 cho vay 150.000.000 đồng; ngày 06/9/2017 cho vay 400.000.000 đồng. Chị H1 đã trả cho chị Đ được 200.000.000 đồng, còn nợ 1,1 tỷ đồng. Khi vay đều có làm giấy, chị H1 có ký tên, chị H1 trình bày mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Do tin tưởng nên chị Đ không yêu cầu chị H1 phải thế chấp tài sản và cũng không yêu cầu anh S cùng ký tên. Cách ngày khởi kiện khoảng 03 năm thì vợ chồng anh S, chị H1 có vay tiền chị Đ để đáo hạn Ngân hàng nên theo chị Đ thì anh S cũng biết việc chị H1 vay tiền của chị Đ. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng chị H1 và anh S không trả tiền cho chị Đ nên chị Đ mới khởi kiện.

Nay chị Đ yêu cầu vợ chồng chị H1, anh S trả cho chị Đ 1.100.000.000 đồng tiền gốc và 61.875.000 đồng tiền lãi; tổng cộng 1.161.875.000 đồng. Ngoài ra, chị Đ không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của chị Đ và còn nợ chị Đ số tiền 1.100.000.000 đồng như chị Đ trình bày trên đây. Tuy nhiên, chị bắt đầu vay tiền của chị Đ từ năm 2016; do chị có nợ tiền anh Bùi Quang P, vợ chồng anh Lương Xuân K và chị Đỗ Thị Tuyết N nên chị vay tiền của chị Đ nhiều lần để trả lãi cho anh P, trả lãi cho vợ chồng anh K, chị N và cho chính chị Đ mà không có khả năng trả gốc nên mới phát sinh số tiền nợ nói trên. Chị Đ cũng không có tiền cho chị vay mà phải vay của nhiều người khác để cho chị vay lại nên mới làm 04 giấy nợ trên nhằm cho chị Đ phân biệt được các khoản tiền trên chị Đ vay lại của ai để trả cho họ. Hằng ngày chị ở nhà nội trợ và chăm sóc con; anh S làm rẫy nhà và có hùn tiền mua mì với người khác; chi tiêu trong gia đình thu từ việc làm rẫy của gia đình. Anh S không biết việc vay tiền của chị Đ vì tiền này do chị vay để đi du lịch và mua sắm cho bản thân mà không cho anh S biết. Trước ngày khởi kiện chị Đ có đến nhà đòi tiền nên anh S mới biết. Việc chị Đ trình bày cách đây khoảng 03 năm vợ chồng chị có gặp chị Đ để vay tiền đáo hạn Ngân hàng là không đúng. Đối với vụ việc anh K, chị N kiện vợ chồng chị thì đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm theo Bản án số 13/2018/DS-ST ngày 29/3/2018; vợ chồng chị không kháng cáo. Đối với vụ việc anh P kiện vợ chồng chị thì do anh P rút lại yêu cầu đối với anh S nên đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hòa giải thành ngày 17/5/2018.

Nay chị đồng ý trả cho chị Đ số tiền 1.100.000.000 đồng; chị không đồng ý trả tiền lãi. Việc chị vay tiền của chị Đ không liên quan đến anh S nên anh S không có trách nhiệm gì. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày***:**

Anh hoàn toàn không biết việc chị H1 vay tiền của chị Đ; số nợ trên là của riêng của chị H1, không liên quan gì đến anh. Trước khi khởi kiện chị Đ có đến nhà đòi tiền nên anh mới biết sự việc. Chị Đ cho rằng cách đây khoảng 03 năm vợ chồng anh có gặp chị Đ để vay tiền đáo hạn Ngân hàng là không đúng.

Nay anh không đồng ý cùng chị H1 trả cho chị Đ số tiền trên. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ; buộc chị H1, anh S cùng có nghĩa vụ trả cho chị Đ 1.100.000.000 đồng tiền gốc và 99.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.199.000.000 đồng.

+ Chị H1 và anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ là Nguyên đơn trong vụ án vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia phiên tòa. Anh Nguyễn Văn S là Bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ, anh S.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà Huyền đại diện cho chị Đ yêu cầu Tòa án buộc chị H1, anh S cùng có nghĩa vụ trả cho chị Đ 1.100.000.000 đồng tiền gốc và 99.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.199.000.000 đồng. Chị H1 đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của chị Đ nhưng không đồng ý với yêu cầu anh S cùng có nghĩa vụ trả nợ vì anh S không biết việc chị vay tiền của chị Đ.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của chị Đ thấy rằng: Chị H1 thừa nhận còn nợ của chị Đ 1.100.000.000 đồng tiền gốc và đồng ý trả lại cho chị Đ nên cần buộc chị H1 trả lại cho chị Đ số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của chị Đ thấy rằng: Hai bên đương sự đều thừa nhận khi cho vay các bên có thỏa thuận lãi suất vay là 6%/tháng nên đây là hợp đồng vay có lãi. Tại phiên Tòa, bà Huyền đại diện cho chị Đ chỉ yêu cầu chị H1, anh S phải trả tiền lãi tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày 06/6/2018 là 08 tháng theo mức lãi suất 1,125%/tháng, thành tiền là 99.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên Tòa, chị H1 đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của phía chị Đ nên cần buộc chị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Đ 99.000.000 đồng tiền lãi là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu anh S cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 1.199.000.000 đồng thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của chị H1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định chị H1 vay tiền của chị Đ để trả nợ cho anh Phúc và vợ chồng anh Khánh, chị Nhung. Căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 29/3/2018 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có đủ cơ sở xác định khoản tiền vay của vợ chồng anh Khánh, chị Nhung là nợ chung của chị H1, anh S. Như vậy, chị H1 vay tiền của chị Đ để trả nợ cho vợ chồng anh Khánh, chị Nhung là trả nợ chung của vợ chồng. Chị H1 còn thừa nhận vay tiền của chị Đ có nhằm mục đích mua sắm cho bản thân mình cũng là đã dùng vào việc phục vụ cho một phần nhu cầu sinh hoạt trong gia đình vì chị cũng là một thành viên trong gia đình. Ngoài ra, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang còn tồn tại giữa chị H1 và anh S. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc anh S cùng có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền cả gốc lẫn lãi như trên là phù hợp.

[2.4] Từ những nhận định trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ, buộc chị H1 và anh S cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị Đ số tiền cả gốc lẫn lãi là 1.199.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị H1, anh S phải chịu 47.970.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho chị Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn S về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) tiền gốc và 99.000.000 (chín mươi chín triệu) đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.199.000.000 (một tỷ một trăm chín mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn S không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn S còn phải trả cho người được thi hành án chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn S phải chịu 47.970.000 (bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ 23.418.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm mười tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0025100 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị H là người nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Đ, chị H1 biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung